

Bản án số: 138/2022/DS-ST  
Ngày 18 – 8 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Giang Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hùng

Ông Tạ Thanh Bự

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Đơ tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2022/TLST–DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1948.

Cư trú tại: Ấp Tân Đức A, xã Tân Đức, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Mai Anh K, sinh năm 1952.

Cư trú tại: Khóm 5, thị trấn Đàm D, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K.* Ông Kim Chan Đa R là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp, xã Tân Tiến, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

2. Bà Ngô Thị T (T), sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Thuận Phước, xã Tân Thuận, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Hữu L trình bày:* Vào ngày 10/4/2016 ả ông Mai Anh K có đến hỏi vay ông 20.000.000 đồng về xây nhà và hai bên thoả thuận trong thời hạn 02 tháng ông K trả cho ông, lãi suất ông Khoẻ tự đưa ra 5%/tháng, ông không có tiền nên có hỏi vay ông Nguyễn Văn T 20.000.000 đồng đưa lại cho ông K. Tiếp đến ngày 21/5/2016 ả ông K có đến hỏi vay ông 20.000.000 đồng, ông K nói lý do đang xây nhà còn thiếu chưa rút tiền Ngân hàng được và hai bên thoả thuận trong thời hạn 02 tháng ông K trả cho ông, lãi suất ông K tự đưa ra 5%/tháng, ông không có tiền nên có hỏi vay bà Ngô Thị T 20.000.000 đồng đưa lại cho ông K. Sau khi vay đến thời hạn trả tiền vay theo thoả thuận ông Khoẻ không đóng lãi và trả vốn cho ông, ông có nói vợ ông lại yêu cầu ông K trả tiền nhưng ông K không trả. Đến khoảng tháng 9/2016 ả ông đến nhà yêu cầu ông K trả tiền vốn và lãi cho ông, ông K nói khi nào có tiền ông K trả cho ông nếu không đồng ý thì ông đi thưa ông K. Sau khi vay ông khoẻ không đóng lãi nên ông phải suất ra đóng lãi thay cho ông Khoẻ 12 tháng cho bà T và ông T số tiền 24.000.000 đồng. Và từ khi vay tiền đến nay ông K không đóng lãi và trả tiền vốn cho ông, ông có đến nhà yêu cầu ông K trả tiền vốn và lãi nhưng ông K hứa hẹn nhưng không trả cho ông.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Anh K trả số tiền vay và lãi tổng cộng là 180.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 40.000.000 đồng, tiền lãi trả cho ông T, bà T 24.000.000 đồng và lãi từ ngày 21/5/2017 đến ngày 21/5/2022 là 40.000.000 đồng x 5%/tháng x 60 tháng = 116.000.000 đồng).

*Theo biên bản trình bày ngày 18 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Anh k trình bày:* Vào ngày 10/4/2016 và ngày 21/5/2016 ả ông có vay ông Ngô Hữu L 40.000.000 đồng, hai lần vay ông đều nhận trực tiếp từ ông L, khi nhận tiền ông L yêu cầu ông viết biên nhận và viết tên con ruột ông L là T và còn rẻ là T làm chủ nợ. Lý do vay tiền ông L vì khi đó ông đang vay tiền người khác giá 7%/tháng và người ta đòi ông quá nên ông có nói với ông L cho ông vay số tiền trên để trả nợ cho người khác trước và được ông L đồng ý cho vay với lãi suất 5%/tháng. Khi vay ông và ông L thoả thuận trong vòng khoảng 02 tháng ông nhận tiền của Toà án bồi thường cho ông, ông trả lại cho ông L. Sau khi vay do Toà án chưa bồi thường cho ông nên ông trả lãi cho ông L đến tháng 4/2017 được 12 tháng tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Sau đó ông có yêu cầu ông L cho ông trả 30.000.000 đồng vốn, còn lại 10.000.000 đồng cho ông trả dần nhưng ông L không đồng ý dẫn đến 02 bên mâu thuẫn nên ông không tiếp tục đóng lãi và trả tiền vay cho ông L đến nay.

Nay, ông đồng ý trả ông L 40.000.000 đồng tiền vay và yêu cầu áp dụng thời hiệu tính lãi suất số tiền ông L yêu cầu 140.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho K tranh luận: Ông K thừa nhận có vay của ông L 02 lần 40.000.000 đồng và ông K đồng ý trả cho ông L.

Đối với việc ông L yêu cầu ông K trả tiền lãi 140.000.000 đồng, ông K xác định chỉ vay và ký nhận tiền 02 lần từ ông L và ông K không biết bà T. Cũng như, khi nhận tiền do ông L mới ở tù ra nên ông L đề nghị ông K viết giấy nhận tiền từ bà T. Sau khi ông K nhận tiền ngày 10/4/2016 và ngày 21/5/2016 ông K có đóng lãi cho ông L đến tháng 4/2017 số tiền lãi 12 tháng và sau đó ông K yêu cầu ông L cho ông K trả 30.000.000 đồng vốn, còn lại 10.000.000 đồng cho ông K trả dần nhưng ông L không đồng ý nên ông K không tiếp tục trả nợ vay cho ông L, cho nên thời điểm đó quyền lợi của ông L bị xâm phạm nhưng ông L không yêu cầu khởi kiện ông K, do đó thời hiệu không còn vì đã hơn 05 năm. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 Của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi số tiền 140.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu L, buộc ông Mai Anh K có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 40.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu L, buộc ông Mai Anh K có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 140.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu của ông L đề nghị Tòa án đưa bà Trịnh Thị G và ông Ngô Út T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng. Theo qui định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà G và ông T không có liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa bà G và ông T tham gia trong vụ án theo yêu cầu của ông L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết: Ông Ngô Hữu L khởi kiện yêu cầu ông Mai Anh K trả tiền vay và lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông L về buộc ông K trả số tiền 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên nhận ngày 10/4/2016 do ông L cung cấp có nội dung “*có hỏi 9 Lợi, 20 triệu đồng ngày 10 tháng 4 al 2016 lãi suất 5 phân tôi Mai Anh khoẻ ký tên*”. Và theo biên nhận ngày 21/5/2016 có nội dung “*bác K có nhận của cháu Ngô Thị T số tiền 20 triệu (hai mươi triệu) 1 tháng lãi suất 5 phân (5%) nếu sau này có gì không đúng khi ra pháp luật bác hoàn toàn chịu trách nhiệm với pháp luật người vay ký tên Mai Anh K*”. Ngoài ra, tại phiên tòa ông K đồng ý trả cho ông L

40.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc ông K trả cho ông Lợi 40.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của ông L về việc tính lãi 12 tháng số tiền 24.000.000 đồng ông trả lãi bà T và ông T thay cho ông K; ông K xác định ông đã đóng lãi cho ông L 12 tháng số tiền 24.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông K cho rằng đã trả lãi cho ông L 12 tháng số tiền 24.000.000 đồng, ngoài lời trình bày ra ông K không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh việc ông K trả lãi cho ông L, cũng như ông L không thừa nhận ông K đóng lãi số tiền 24.000.000 đồng. Ông L cung cấp 02 biên nhận đóng lãi cho bà T đến ngày 12/5/2017 số tiền 12.000.000 đồng và biên nhận đóng lãi cho ông T đến ngày 10/4/2017 số tiền 12.000.000 đồng (b1 39, 40). Tuy nhiên, giữa ông L với bà T và ông T có mối quan hệ con gái và con rể. Ngoài ra, tại phiên toà bà T và ông T xác định chỉ giao tiền cho ông L chứ ông K không cùng ông L nhận tiền. Cũng như, theo phân tích tại đoạn [3] thể hiện, khoản tiền lãi ông L trả bà T và ông T không phải hợp đồng bảo lãnh của ông L đối với ông K theo quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự. Và theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”. Viện dẫn theo điều luật trên, các bên thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định nên cần điều chỉnh lãi suất như sau:  $(40.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/\text{tháng}) \times 12 \text{ tháng} = 7.996.800 \text{ đồng}$ . Do đó, buộc ông K trả cho ông L tiền lãi ông L đóng thay 7.996.800 đồng. Đối với số tiền lãi ông L đóng cho bà T và ông T vượt quá quy định 16.003.200 đồng, sau này có tranh chấp ông L có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác đối với bà T và ông T.

[5] Xét yêu cầu của ông L về việc buộc ông K trả lãi số tiền 116.000.000 đồng; ông K yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu trả lãi của ông L. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên bản ghi lời khai ông L ngày 22/6/2022 và ông K ngày 30/6/2022 các ông đều xác định thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 21/5/2016 và ông K xác định đóng lãi đến tháng 4/2017 các bên xảy ra mâu thuẫn nên không tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng vay ngày ngày 10/4/2016 và ngày 21/5/2016 (b1 38, 42). Và theo Điều 429 Bộ luật dân sự quy định “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Và tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, thời hiệu khởi kiện yêu cầu tính lãi của ông L bị xâm phạm vào tháng 4/2017 nhưng khi đó ông L không khởi kiện ông K đến nay đã trên 03 năm và vào ngày 25/5/2022 ông K có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông K về áp dụng thời hiệu. Không chấp nhận yêu cầu của ông L về buộc ông K trả lãi số tiền 116.000.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, buộc ông K trả cho ông L tổng số tiền 47.996.800 đồng. Trong đó vốn 40.000.000 đồng và lãi 7.996.800 đồng.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K.

[7] Ý kiến của viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án có căn cứ một phần, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L và ông K là người cao tuổi và có công cánh mạng, vào ngày 01/4/2022 và ngày 09/5/2022 ông L và ông K có đơn xin miễn án phí. Xét miễn án phí cho ông L và ông K.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 429 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu L.

1. Buộc ông Mai Anh K trả cho ông Ngô Hữu L tổng số tiền vay và lãi 47.996.800 đồng (bốn mươi bảy triệu chín chín mươi sáu trăm đồng). Trong đó vốn 40.000.000 đồng và lãi 7.996.800 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Hữu L về buộc ông Mai Anh K trả số tiền lãi 132.083.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Hữu L và ông Mai Anh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Ngô Giang Nam**